

CTY CP KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ (MIM)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 20 CV - KSCK

V/v; Giải trình KQ SXKD 6 tháng đầu năm 2021

Văn phòng Công ty bị lỗ

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021.

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định tại thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí (MIMECO) mã chứng khoán MIM xin giải trình kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 tại báo cáo tài chính Văn phòng Công ty bị lỗ như sau:

Kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 Văn phòng Công ty bị lỗ 3.551.607.912 đồng do trong thời gian này Văn phòng Công ty vẫn đang bị Cục thuế Hà Nội cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng. 6 tháng đầu năm 2021 Văn phòng Công ty không xuất hóa đơn nên không xuất hiện doanh thu trong khi đó các chi phí gồm chi phí quản lý Công ty, chi phí tài chính, các khoản phạt, chậm nộp vẫn phát sinh và được ghi nhận tại văn phòng Công ty nên báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 Văn phòng Công ty bị lỗ với số lỗ như trên./.

Trân trọng./.

nhân:

- Như trên
- Ban Kiểm Soát
- Lưu TC – KT, VP



Tăng Nguyên Ngọc

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ**

*cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
kèm theo*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**



Được soát xét bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (024) 3974 5081/82 Fax: (024) 3974 5083

Hà Nội, tháng 08 năm 2021

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i>	06 - 07
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</i>	08 - 09
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ</i>	10 - 11
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ</i>	12 - 37

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Văn phòng Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí ("gọi tắt là Văn phòng Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí tiền thân là Công ty Khoáng chất Công nghiệp và Cơ khí mở thuộc Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 243/QĐ/TCNSDT ngày 20/05/1993, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 138/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ngày 22/11/2004. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/06/2005, đăng ký thay đổi lần 09 ngày 09/07/2019. Theo đó:

- Vốn điều lệ: 34.098.600.000 đồng (Ba mươi tư tỷ, không trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Hoạt động kinh doanh chính của Văn phòng Công ty là: Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Nghiên cứu ứng dụng khoa học ngành mỏ; Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán sắt thép phế liệu, phế liệu kim loại màu, rác phế liệu, đồ phế thải, rác thải, đồng nát; Mua bán sắt thép, ống thép, kim loại màu; Mua bán kim loại; Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng; Mua bán thiết bị, linh kiện, phụ tùng thay thế ngành điện, thiết bị điện lạnh, tin học; Dịch vụ vận tải; Mua bán ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế; Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên liệu, sản xuất phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật); Tư vấn thiết lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi các dự án về khoáng sản và cơ khí; Tư vấn lập đề án, tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm); Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát, các loại hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Văn phòng Công ty đăng ký kinh doanh; Dịch vụ thương mại; Sản xuất, mua bán các sản phẩm cơ khí; Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm); Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính của Văn phòng Công ty đặt tại: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát Văn phòng Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|------------------------|------------|
| - Ông Tăng Nguyên Ngọc | Chủ tịch |
| - Bà Nguyễn Thị Mai | Thành viên |
| - Ông Tăng Văn Hải | Thành viên |
| - Ông Tăng Minh Hà | Thành viên |
| - Bà Trần Thị Liên An | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|------------------------|-------------------|
| - Ông Tăng Nguyên Ngọc | Tổng Giám đốc |
| - Ông Trần Quốc Đệ | Phó Tổng Giám đốc |
| - Bà Trần Thị Liên An | Kế toán trưởng |

Ban Kiểm soát

- | | |
|------------------------|------------|
| - Ông Nguyễn Đình Biên | Trưởng ban |
| - Ông Lê Chi Lăng | Thành viên |
| - Ông Phạm Hữu Thu | Thành viên |

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này là ông Tăng Nguyên Ngọc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Văn phòng Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Văn phòng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Văn phòng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Văn phòng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Văn phòng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Văn phòng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Văn phòng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Văn phòng Công ty đã phê chuẩn Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm và cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các Quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2021

Thay mặt

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ



Tăng Nguyên Ngọc

Tổng Giám đốc



Số: 129/BCSX/BCTC/CPA HANOI

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi:

Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Văn phòng Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí, được lập ngày 24/08/2021 từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi chỉ lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh VII.9 Trang 37 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính thông tin về khả năng hoạt động liên tục của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí như sau: Tiếp theo Quyết định số 8830/QĐ-CT-QLN ngày 08 tháng 03 năm 2019, Quyết định số 9852/QĐ-CT-QLN ngày 06 tháng 03 năm 2020, Cục thuế thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 6967/QĐ-CTHN-QLN ngày 09 tháng 03 năm 2021 về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng để thi hành thông báo tiền nợ thuế và tiền chậm nộp. Nguyên nhân là do Công ty còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp thuế trên 120 ngày tại thông báo nợ thuế, tiền chậm nộp, thời hạn cưỡng chế 01 năm kể từ ngày 09/03/2021. Toàn bộ số thuế và các khoản phải nộp nhà nước khoảng gần 18 tỷ đồng (Văn phòng Công ty gần 10 tỷ, Chi nhánh Cơ khí 2 Vĩnh Phúc hơn 2,3 tỷ, Chi nhánh mỏ Mangan Tuyên Quang hơn 5,4 tỷ) đã quá hạn nộp theo quy định về luật quản lý thuế, tiền bảo hiểm xã hội và tiền chậm nộp bảo hiểm như thuyết minh V.17 trang 26 khoảng hơn 3 tỷ đồng đã quá hạn nộp theo quy định. Mặt khác, quyền khai thác quặng Mangan mỏ Làng Bài tại chi nhánh Tuyên Quang đã hết hạn được phép khai thác từ cuối tháng 02 năm 2013. Công ty đã gửi công văn lên Tổng cục Địa chất và Khoáng sản xin được tiếp tục đầu tư khai thác mỏ Làng Bài, làm thủ tục đóng mỏ theo giấy phép khai thác cũ và đang hoàn thiện hồ sơ để xin được cấp phép tiếp tục khai thác mỏ Làng Bài theo nhưng chưa nhận được ý kiến trả lời của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn luôn tiếp tục mà không bị gián đoạn ít nhất là trong vòng 12 tháng tới. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã cam kết sẽ đảm bảo cho Công ty vẫn hoạt động liên tục ít nhất là trong vòng 12 tháng tới;

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI (CPA HANOI)



Lê Văn Tuấn

Giấy CNĐKHNKT số: 1695-2018-016-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2021

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính
giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

				Đơn vị tính: đồng
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		97.709.229.462	113.355.641.874
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	499.341.334	370.236.655
1. Tiền	111		499.341.334	370.236.655
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		93.759.540.887	109.556.080.179
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	2.253.525.089	2.253.525.089
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	559.273.012	559.273.012
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.4	89.339.552.620	106.358.574.137
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	3.161.452.682	1.938.970.457
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.554.262.516)	(1.554.262.516)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	1.285.932.273	1.285.932.273
1. Hàng tồn kho	141		1.285.932.273	1.285.932.273
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.164.414.968	2.143.392.767
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.8	2.164.414.968	2.143.392.767
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.803.735.275	2.876.974.063
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		772.548.990	772.548.990
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	772.548.990	772.548.990
II. Tài sản cố định	220		451.057.691	547.782.509
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	451.057.691	547.782.509
- Nguyên giá	222		5.412.904.594	5.412.904.594
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.961.846.903)	(4.865.122.085)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.459.750.001	1.459.750.001
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.459.750.001	1.459.750.001
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		120.378.593	96.892.563
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	120.378.593	96.892.563
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		100.512.964.737	116.232.615.937

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 37 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính
giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		69.816.553.668	81.984.596.956
I. Nợ ngắn hạn	310		69.738.356.262	81.906.399.550
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.594.103.855	1.436.625.641
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	265.563.150	265.563.150
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10.142.341.739	9.803.438.857
4. Phải trả người lao động	314		558.845.905	660.548.178
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	33.000.002	38.527.084
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.16	15.322.269.305	21.069.107.198
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	5.926.232.306	13.201.589.442
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	35.896.000.000	35.431.000.000
II. Nợ dài hạn	330		78.197.406	78.197.406
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	78.197.406	78.197.406
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.696.411.069	34.248.018.981
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	30.696.411.069	34.248.018.981
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		34.098.600.000	34.098.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		34.098.600.000	34.098.600.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.402.188.931)	149.418.981
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		149.418.981	7.414.239.693
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(3.551.607.912)	(7.264.820.712)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		100.512.964.737	116.232.615.937

Người lập biểu



Đặng Xuân Quân

Kế toán trưởng



Trần Thị Liên An

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2021

Tổng Giám đốc



Tăng Nguyên Ngọc

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: đồng

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	1	2	3	4	5	6	7
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-	-	-
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		-	-	-	-
4.	Giá vốn hàng bán	11		-	-	-	-
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	-	-	-
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	45.395	21.255	115.989	74.065
7.	Chi phí tài chính	22	VI.2	911.190.532	936.616.966	1.846.890.447	1.821.728.647
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		911.190.532	936.616.966	1.846.890.447	1.821.728.647
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.3a	-	-	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3b	674.016.926	500.271.003	1.315.248.159	1.291.348.173
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.585.162.063)	(1.436.866.714)	(3.162.022.617)	(3.113.002.755)
11.	Thu nhập khác	31		-	-	-	-
12.	Chi phí khác	32	VI.4	200.846.766	45.959.023	389.585.295	237.445.922
13.	Lợi nhuận khác	40		(200.846.766)	(45.959.023)	(389.585.295)	(237.445.922)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.786.008.829)	(1.482.825.737)	(3.551.607.912)	(3.350.448.677)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	-	-	-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 37 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(1.786.008.829)	(1.482.825.737)	(3.551.607.912)	(3.350.448.677)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71				

Người lập biểu



Đặng Xuân Quân

Kế toán trưởng



Trần Thị Liên An



Tăng Nguyên Ngọc

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính
giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**(Theo phương pháp gián tiếp)**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(3.551.607.912)	(3.350.448.677)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	96.724.818	96.725.618
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(115.989)	(74.065)
- Chi phí lãi vay	06	1.846.890.447	1.821.728.647
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.608.108.636)	(1.432.068.477)
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	15.775.517.091	4.502.764.611
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	-	(400.050.897)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(12.633.043.288)	(2.300.120.043)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	(23.486.030)	64.193.463
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.834.193.882)	(1.757.716.248)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.000.000)	(20.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.696.565)	(24.531.149)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(336.011.310)	(1.367.528.740)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	115.989	74.065
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	115.989	74.065
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
- Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 37 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Tiền thu từ đi vay	33	31.713.953.000	31.235.100.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(31.248.953.000)	(28.940.100.000)
- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	465.000.000	2.295.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	129.104.679	927.545.325
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	370.236.655	411.919.524
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	499.341.334	1.339.464.849

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đặng Xuân Quân

Trần Thị Liên An

Tăng Nguyên Ngọc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí tiền thân là Công ty Khoáng chất Công nghiệp và Cơ khí mở thuộc Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 243/QĐ/TCNSDT ngày 20/05/1993, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 138/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ngày 22/11/2004. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/06/2005, đăng ký thay đổi lần 09 ngày 09/07/2019. Theo đó:

Vốn điều lệ: 34.098.600.000 đồng (*Ba mươi tư tỷ, không trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Trụ sở chính của Văn phòng Công ty đặt tại: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Văn phòng Công ty là khai thác và chế biến quặng kim loại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh chính của Văn phòng Công ty là: Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Nghiên cứu ứng dụng khoa học ngành mỏ; Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán sắt thép phế liệu, phế liệu kim loại màu, rác phế liệu, đồ phế thải, rác thải, đồng nát; Mua bán sắt thép, ống thép, kim loại màu; Mua bán kim loại; Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng; Mua bán thiết bị, linh kiện, phụ tùng thay thế ngành điện, thiết bị điện lạnh, tin học; Dịch vụ vận tải; Mua bán ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế; Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên liệu, sản xuất phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật); Tư vấn thiết lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi các dự án về khoáng sản và cơ khí; Tư vấn lập đề án, tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm); Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát, các loại hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Văn phòng Công ty đăng ký kinh doanh; Dịch vụ thương mại; Sản xuất, mua bán các sản phẩm cơ khí; Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm); Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Trong kỳ Văn phòng Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

6. Nhân viên

Tổng số công nhân viên và người lao động ký hợp đồng có thời hạn tại ngày 30/06/2021: 12 người.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Văn phòng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Văn phòng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a, Chứng khoán kinh doanh: Không phát sinh

b, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Văn phòng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính
giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Văn phòng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

c, Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Văn phòng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Văn phòng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20	20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04	04
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	Hết khấu hao	Hết khấu hao

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Văn phòng Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;

- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thực tế nhận nợ tại thời điểm lập báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Văn phòng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Văn phòng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Văn phòng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Văn phòng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; Chi phí vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Văn phòng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Văn phòng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Văn phòng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	462.536.520	352.120.180
Tiền gửi Ngân hàng	36.804.814	18.116.475
Cộng	499.341.334	370.236.655
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	1.620.353.694	1.620.353.694
Nhà máy Hợp kim sắt Thái Nguyên	-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính
giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu thép Sóc Sơn	948.936.585	948.936.585
Công ty TNHH Minh Lương Thái Nguyên	382.415.000	382.415.000
Công ty Cổ phần Phát triển Thủ Đô	289.002.109	289.002.109
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	<i>633.171.395</i>	<i>633.171.395</i>
Cộng	2.253.525.089	2.253.525.089
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Chi tiết các khoản trả trước người bán chiếm</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
<i>từ 10% trở lên trên tổng trả trước người bán</i>		
Công ty Phúc Trường Minh	-	-
Công ty Cổ phần Ka Ta	130.000.000	130.000.000
Công ty Tư vấn Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa	200.000.000	200.000.000
Trung tâm Khoa học Công nghệ Mỏ và	170.000.000	170.000.000
<i>Các khoản trả trước cho người bán khác</i>	<i>59.273.012</i>	<i>59.273.012</i>
Cộng	559.273.012	559.273.012

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

21

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Công ty Cổ phần Xây dựng Nền móng Jikon	157.000.000	-	157.000.000	-
Khách mua Bentônit phòng Tiêu thụ	74.278.000	46.294.678	310.278.000	282.294.678
Chị Trang	20.400.000	-	20.400.000	-
DNTN Thương mại Phùng Thắng	10.140.500	-	10.140.500	-
Cộng	1.600.557.194	46.294.678	1.836.557.194	282.294.678
7. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	978.752.397	-	978.752.397	-
Công cụ, dụng cụ	175.027.553	-	175.027.553	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	72.522.104	-	72.522.104	-
Thành phẩm	59.630.219	-	59.630.219	-
Cộng	1.285.932.273	-	1.285.932.273	-
8. Thuế GTGT được khấu trừ	Số cuối kỳ			
Thuế GTGT được khấu trừ	2.164.414.968			2.143.392.767
Cộng	2.164.414.968			2.143.392.767

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình		Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm		1.604.720.276	-	3.761.481.136	46.703.182	5.412.904.594
- Mua trong kỳ		-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	-	-	-
- Giảm khác		-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ		1.604.720.276	-	3.761.481.136	46.703.182	5.412.904.594
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		1.230.965.892	-	3.587.453.011	46.703.182	4.865.122.085
- Khấu hao trong kỳ		41.768.568	-	54.956.250	-	96.724.818
- Tăng khác		-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	-	-	-
- Giảm khác		-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ		1.272.734.460	-	3.642.409.261	46.703.182	4.961.846.903
Giá trị còn lại		373.754.384	-	174.028.125	-	547.782.509
- Tại ngày đầu năm		331.985.816	-	119.071.875	-	451.057.691
- Tại ngày cuối kỳ						

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 30/06/2021: 3.368.534.318 đồng

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
10. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang				
Xây dựng mở rộng mỏ Mangan Làng Bài (mỏ Nà Pét)	1.187.022.728	1.187.022.728	1.187.022.728	1.187.022.728
Mỏ Minh Đức Tuyên Quang	272.727.273	272.727.273	272.727.273	272.727.273
Cộng	1.459.750.001	1.459.750.001	1.459.750.001	1.459.750.001
11. Chi phí trả trước dài hạn		Số cuối kỳ		Số đầu năm
Tiền thuê mặt bằng tại Hà Nam		-		-
Phân bổ công cụ, dụng cụ		120.378.593		96.892.563
Cộng		120.378.593		96.892.563
12. Phải trả người bán ngắn hạn		Số cuối kỳ		Số đầu năm
Chi tiết các khoản phải trả người bán chiếm 10% trở lên trên tổng số phải trả người bán	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Ban Mai	1.007.310.277	1.007.310.277	1.007.310.277	1.007.310.277
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng CDCC	286.000.000	286.000.000	286.000.000	286.000.000
Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam	243.829.604	243.829.604	243.829.604	243.829.604
Công ty TNHH Vận tải Minh Sơn	174.067.273	174.067.273	174.067.273	174.067.273
Công ty Cổ phần Hóa ứng dụng và Công nghệ mới	141.413.400	141.413.400	141.413.400	141.413.400
Phải trả người bán khác	162.000.000	162.000.000	162.000.000	162.000.000
Cộng	586.793.578	586.793.578	429.315.364	429.315.364
	1.594.103.855	1.594.103.855	1.436.625.641	1.436.625.641
13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		Số cuối kỳ		Số đầu năm
Chi tiết các khoản người mua trả tiền trước chiếm 10% trở lên trên tổng số người mua trả trước				
		265.563.150		265.563.150

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đường Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Công ty Kiến trúc xanh	234.000.000	234.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Mạnh Hùng	31.563.150	31.563.150
Người mua trả trước khác	-	-
Cộng	265.563.150	265.563.150

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế TNDN	3.459.316.441	-	10.000.000	3.449.316.441
Thuế TNCN	171.632.325	38.570.251	-	210.202.576
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	10.000.000	10.000.000	-
Các loại thuế khác	4.288.080.491	315.737.143	5.404.512	4.598.413.122
Lệ phí cấp quyền	1.884.409.600	-	-	1.884.409.600
Cộng	9.803.438.857	364.307.394	25.404.512	10.142.341.739

Ghi chú: Tiếp theo Quyết định số 9852/QĐ-CT-QLN ngày 06/03/2020, Cục thuế Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 6967/QĐ-CT-QLN và Thông báo số 6968/TB-CTHN-QLN ngày 09/03/2021 về việc áp dụng pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng để thi hành thông báo tiền thuế nợ và tiền nộp chậm. Nguyên nhân là do Công ty còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp thuế trên 120 ngày tại thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt chậm nộp, thời hạn cưỡng chế 01 năm kể từ ngày 08/03/2021. Toàn bộ số thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước đến thời điểm 30/06/2021 khoảng gần 18 tỷ (Văn phòng Công ty gần 10 tỷ, Chi nhánh Cơ khí 2 Vĩnh Phúc hơn 2,3 tỷ, Chi nhánh Mỏ Mangan Tuyên Quang hơn 5,4 tỷ) đã quá hạn nộp theo quy định về luật quản lý thuế.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Trích trước chi phí lãi vay	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	33.000.002	38.527.084
Cộng	33.000.002	38.527.084

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

16. Phải trả nội bộ ngắn hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh MIMECO Hà Nam	15.322.269.305	15.322.269.305	21.069.107.198	21.069.107.198
Cộng	15.322.269.305	15.322.269.305	21.069.107.198	21.069.107.198
17. Phải trả khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	5.926.232.306	5.926.232.306	13.201.589.442	13.201.589.442
Kinh phí công đoàn	226.990.432	226.990.432	207.641.832	207.641.832
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp (*)	3.078.975.505	3.078.975.505	2.887.281.241	2.887.281.241
Các khoản phải trả phải nộp khác	2.620.266.369	2.620.266.369	10.106.666.369	10.106.666.369
Trần Thị Liên An	119.080.000	119.080.000	69.080.000	69.080.000
Tăng Nguyễn Ngọc	6.100.000	6.100.000	2.724.500.000	2.724.500.000
Tăng Minh Sơn	1.645.700.000	1.645.700.000	1.645.700.000	1.645.700.000
Hoàng Quỳnh Giang	317.500.000	317.500.000	967.500.000	967.500.000
Nguyễn Thị Bích Nhân	57.000.000	57.000.000	4.425.000.000	4.425.000.000
Tăng Văn Hải	200.000.000	200.000.000	-	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	274.886.369	274.886.369	274.886.369	274.886.369
b. Dài hạn	78.197.406	78.197.406	78.197.406	78.197.406
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	78.197.406	78.197.406	78.197.406	78.197.406
Cộng	6.004.429.712	6.004.429.712	13.279.786.848	13.279.786.848

(*) Tiền bảo hiểm xã hội phải nộp đã quá hạn nộp theo quy định vì vậy nếu Công ty không nộp theo quy định sẽ ảnh hưởng đến các chế độ thanh toán và quyền lợi về bảo hiểm theo quy định.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

18. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	35.896.000.000	35.896.000.000	31.713.953.000	31.248.953.000	35.431.000.000	35.431.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	27.746.000.000	27.746.000.000	30.023.953.000	31.223.953.000	28.946.000.000	28.946.000.000
Trần Thị Liên An	2.085.000.000	2.085.000.000	70.000.000	-	2.015.000.000	2.015.000.000
Tăng Nguyễn Ngọc	2.045.000.000	2.045.000.000	1.500.000.000	-	545.000.000	545.000.000
Nguyễn Bích Nhẫn	60.000.000	60.000.000	-	-	60.000.000	60.000.000
Vũ Thị Loan	445.000.000	445.000.000	-	25.000.000	470.000.000	470.000.000
Hoàng Thị Quỳnh Giang	300.000.000	300.000.000	-	-	300.000.000	300.000.000
Lương Quang Thanh	650.000.000	650.000.000	-	-	650.000.000	650.000.000
Nguyễn Thị Mai	545.000.000	545.000.000	-	-	545.000.000	545.000.000
Nguyễn Thị Xâm	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
Nguyễn Thành Nho	200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000
Tăng Ngọc Vũ	420.000.000	420.000.000	120.000.000	-	300.000.000	300.000.000
Nguyễn Ngọc Lan Chi	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngô Thị Thanh	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
Vũ Thị Hoa	200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000
Cộng	35.896.000.000	35.896.000.000	31.713.953.000	31.248.953.000	35.431.000.000	35.431.000.000

Chi tiết các khoản vay: (Thuyết minh VII.4: Tài sản đảm bảo).

Tài sản đảm bảo các khoản vay xem Thuyết minh số VII.4

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước (01/01/2020)	34.098.600.000	-	-	-	-	8.437.197.693	42.535.797.693
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	(7.264.820.712)	(7.264.820.712)
Phân phối lợi nhuận trong năm 2020	-	-	-	-	-	(1.022.958.000)	(1.022.958.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước (31/12/2020)	34.098.600.000	-	-	-	-	149.418.981	34.248.018.981
Số dư đầu năm nay (01/01/2021)	34.098.600.000	-	-	-	-	149.418.981	34.248.018.981
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	(3.551.607.912)	(3.551.607.912)
Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này (30/06/2021)	34.098.600.000	-	-	-	-	(3.402.188.931)	30.696.411.069

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính
giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lâm Thị Thanh Hải	7,03%	2.398.600.000	2.398.600.000
Lê Thị Hà	5,90%	2.010.200.000	2.010.200.000
Nguyễn Thị Mai	5,71%	1.946.000.000	1.946.000.000
Nguyễn Xuân Tươi	6,45%	2.200.000.000	2.200.000.000
Phạm Hữu Thu	6,23%	2.123.710.000	2.123.710.000
Tăng Minh Sơn	9,36%	3.189.930.000	3.189.930.000
Tăng Nguyên Ngọc	25,28%	8.621.740.000	8.621.740.000
Các đối tượng khác	34,04%	11.608.420.000	11.608.420.000
Cộng		34.098.600.000	34.098.600.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	34.098.600.000	34.098.600.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	34.098.600.000	34.098.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.409.860	3.409.860
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	3.409.860	3.409.860
- Cổ phiếu phổ thông	3.409.860	3.409.860
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.409.860	3.409.860
- Cổ phiếu phổ thông	3.409.860	3.409.860
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)

1. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	115.989	74.065
Cộng	115.989	74.065

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính
giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

		Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
2. Chi phí hoạt động tài chính			
Chi phí lãi vay		1.846.890.447	1.821.728.647
Cộng		1.846.890.447	1.821.728.647
3. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp			
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		-	-
Chi phí nhân viên bán hàng		-	-
Chi phí vật liệu, bao bì		-	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng		-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ		-	-
Các khoản phí và lệ phí		-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài		-	-
Chi phí bằng tiền khác		-	-
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		1.315.248.159	1.291.348.173
Chi phí nhân viên quản lý		856.100.186	764.155.424
Chi phí vật liệu quản lý		26.840.518	47.884.599
Chi phí đồ dùng văn phòng		-	8.330.909
Chi phí khấu hao TSCĐ		96.724.818	96.725.618
Thuế, phí và lệ phí		15.404.512	15.404.512
Chi phí dự phòng		-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài		89.323.392	152.502.401
Chi phí bằng tiền khác		230.854.733	206.344.710
4. Chi phí khác			
Phạt chậm nộp thuế, BHXH		389.585.295	237.445.922
Cộng		389.585.295	237.445.922
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			
Văn phòng Công ty là đơn vị trực thuộc và hạch toán phụ thuộc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí, do vậy Văn phòng Công ty không xác định thuế TNDN riêng tại Văn phòng Công ty mà được Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí xác định trên cơ sở tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị thành viên hạch toán trực thuộc khối Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí.			
Quyết toán thuế của Văn phòng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.			
6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố			
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		26.840.518	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Chi phí nhân công	856.100.186	764.155.424
Chi phí khấu hao TSCĐ	96.724.818	96.725.618
Thuế, phí và lệ phí	15.404.512	-
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.323.392	-
Chi phí bằng tiền khác	230.854.733	430.467.131
Cộng	1.315.248.159	1.291.348.173

VII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan**

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Tăng Nguyên Ngọc	Chủ tịch HĐQT
Bà Vũ Thị Hoa	Vợ Chủ tịch HĐQT
Bà Trần Thị Liên An	Thành viên HĐQT
Ông Tăng Văn Hải	Thành viên HĐQT
Ông Tăng Minh Hà	Thành viên HĐQT
Ông Tăng Ngọc Vũ	Con trai Chủ tịch HĐQT

Số dư và giao dịch với các bên liên quan**Thông tin giao dịch với các bên liên quan****Ông Tăng Nguyên Ngọc**

Giao dịch	Kỳ này
Văn phòng Công ty nhận tiền vay (PS Có TK 341)	1.500.000.000
Văn phòng Công ty mượn tiền (PS Có TK 338)	10.042.600.000
Văn phòng Công ty trả tiền mượn (PS Nợ TK 338)	12.761.000.000
Văn phòng Công ty phải trả lãi vay (PS Nợ TK 635)	45.477.083
Văn phòng Công ty đã trả lãi vay (PS Nợ TK 335)	43.203.229
Văn phòng Công ty phải trả lãi vay (PS Nợ TK 635)	15.083.333
Văn phòng Công ty đã trả lãi vay (PS Nợ TK 335)	14.329.167

Bà Vũ Thị Hoa

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Bà Trần Thị Liên AnVăn phòng Công ty
nhận tiền vay (PS Có
TK 341) 70.000.000Văn phòng Công ty
trả tiền mượn (PS Nợ
TK 338) 335.000.000Văn phòng Công ty
trả tiền mượn (PS Nợ
TK 338) 385.000.000Văn phòng Công ty
phải trả lãi vay (PS
Nợ TK 635) 156.252.083Văn phòng Công ty
đã trả lãi vay (PS Nợ
TK 335) 148.439.479**Ông Tăng Ngọc Vũ**Văn phòng Công ty
nhận tiền vay (PS Có
TK 341) 120.000.000Văn phòng Công ty
trả tiền mượn (PS Nợ
TK 338) 120.000.000Văn phòng Công ty
trả tiền mượn (PS Nợ
TK 338) 120.000.000Văn phòng Công ty
phải trả lãi vay (PS
Nợ TK 635) 23.375.000Văn phòng Công ty
đã trả lãi vay (PS Nợ
TK 335) 22.206.250**Ông Tăng Văn Hải**Văn phòng Công ty
mượn tiền (PS Có TK
338) 200.000.000Văn phòng Công ty
tạm ứng (PS Nợ TK
141) 37.755.000Văn phòng Công ty
nhận hoàn ứng (PS
Có TK 141) 16.625.000**Ông Tăng Minh Hà**Văn phòng Công ty
tạm ứng (PS Nợ TK
141) 15.000.000**Số dư các bên liên quan 30/06/2021****Nội dung****Số tiền****Các khoản phải thu ngắn hạn khác (TK 141)****676.715.500**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính
giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Bà Trần Thị Liên An	Tạm ứng	568.038.000
Ông Tăng Văn Hải	Tạm ứng	93.677.500
Ông Tăng Minh Hà	Tạm ứng	15.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác (TK 338)		325.180.000
Ông Tăng Nguyên Ngọc	Phải trả khác	6.100.000
Bà Trần Thị Liên An	Phải trả khác	119.080.000
Ông Tăng Văn Hải	Phải trả khác	200.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (TK 341)		4.750.000.000
Ông Tăng Nguyên Ngọc	Vay ngắn hạn	2.045.000.000
Bà Trần Thị Liên An	Vay ngắn hạn	2.085.000.000
Bà Vũ Thị Hoa	Vay ngắn hạn	200.000.000
Ông Tăng Ngọc Vũ	Vay ngắn hạn	420.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát**Kỳ này**Thù lao Hội Đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và
lương Ban Tổng Giám đốc thực nhận

Chưa chi

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Văn phòng Công ty.

Khu vực địa lý

Văn phòng Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Văn phòng Công ty là sản xuất và khai thác quặng mỏ kim loại không phải là doanh nghiệp đa ngành nghề nên không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	499.341.334	-	370.236.655	-
Phải thu khách hàng	2.253.525.089	(1.554.262.516)	2.253.525.089	(1.554.262.516)
Trả trước cho người bán	559.273.012	-	559.273.012	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính
giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Phải thu khác	3.934.001.672	-	2.711.519.447	-
Cộng	7.246.141.107	(1.554.262.516)	5.894.554.203	(1.554.262.516)

Giá trị sổ sách

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	1.594.103.855	1.436.625.641
Chi phí phải trả	33.000.002	38.527.084
Vay và nợ thuê tài chính	35.896.000.000	35.431.000.000
Các khoản phải trả khác	5.926.232.306	13.201.589.442
Cộng	43.449.336.163	50.107.742.167

Văn phòng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Tài sản đảm bảo

Khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1420-LAV-202100233 ngày 25/06/2021 với hạn mức tín dụng 30.000.000.000 đồng (bao gồm toàn bộ dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 1420-LAV-2020000240 ngày 24/06/2020) và các phụ lục đi kèm với mục đích: bổ sung vốn lưu động khai thác, sản xuất quặng, khoáng sản, đá,... Thời hạn cho vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, đảm bảo tiền vay: 100% dư nợ có tài sản đảm bảo bằng Quyền thuê quyền sử dụng đất và Nhà cửa, vật kiến trúc, dây chuyền máy móc thiết bị đồng bộ nhà máy, tài sản cố định khác gắn liền với thửa đất tại địa chỉ Khu công nghiệp Long Bình An, xã Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; Quyền sử dụng đất tại địa chỉ phố Thiên Sơn, thị trấn Thiên Tôn, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 27A/207 Trương Mỹ, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Toàn bộ quyền sử dụng tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ căn hộ 207 - nhà K11A - TT Bách Khoa, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; 375.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí chủ sở hữu Ông Tăng Nguyên Ngọc; 135.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí chủ sở hữu Bà Lê Thị Thanh Thảo; 26.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí chủ sở hữu Bà Trần Thị Liên An; 400.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí chủ sở hữu Ông Tăng Nguyên Ngọc; 318.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí chủ sở hữu Ông Tăng Minh Sơn.

- Vay ngắn hạn cá nhân theo các Hợp đồng vay vốn thời hạn tối đa 01 năm với mức lãi suất 15%/năm. Tài sản đảm bảo là tín chấp.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính
giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Văn phòng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Văn phòng Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Văn phòng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Văn phòng Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Văn phòng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Văn phòng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Văn phòng Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Văn phòng Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Văn phòng Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Văn phòng Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ (30/06/2021)	43.449.336.163	-	43.449.336.163
Phải trả cho người bán	1.594.103.855	-	1.594.103.855
Chi phí phải trả	33.000.002	-	33.000.002
Vay và nợ thuê tài chính	35.896.000.000	-	35.896.000.000
Các khoản phải trả khác	5.926.232.306	-	5.926.232.306
Số đầu năm (01/01/2021)	50.107.742.167	-	50.107.742.167
Phải trả cho người bán	1.436.625.641	-	1.436.625.641
Chi phí phải trả	38.527.084	-	38.527.084

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính
giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Vay và nợ thuê tài chính	35.431.000.000	-	35.431.000.000
Các khoản phải trả khác	13.201.589.442	-	13.201.589.442

Văn phòng Công ty hiện đang bị Cục thuế thành phố Hà Nội áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn để thi hành thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp số 9853/TB-CT ngày 06/02/2020, số 16348/TB-CT ngày 29/01/2021 và số 164951/TB-CT ngày 17/06/2021, số tiền quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế gần 10 tỷ đồng, do đó, rủi ro thanh khoản của Văn phòng Công ty là cao.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Văn phòng Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Văn phòng Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Văn phòng Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Văn phòng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Văn phòng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Văn phòng Công ty.

Văn phòng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 của Văn phòng Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 có dấu hiệu và sự kiện ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty như sau:

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính
giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Tiếp theo Quyết định số 8830/QĐ-CT-QLN ngày 08 tháng 03 năm 2019, Quyết định số 9852/QĐ-CT-QLN ngày 06 tháng 03 năm 2020, Cục thuế thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 6967/QĐ-CTHN-QLN ngày 09 tháng 03 năm 2021 về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng để thi hành thông báo tiền nợ thuế và tiền chậm nộp. Nguyên nhân là do Công ty còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp thuế trên 120 ngày tại thông báo nợ thuế, tiền chậm nộp, thời hạn cưỡng chế 01 năm kể từ ngày 09/03/2021. Toàn bộ số thuế và các khoản phải nộp nhà nước khoảng gần 18 tỷ đồng (Văn phòng Công ty gần 10 tỷ, Chi nhánh Cơ khí 2 Vĩnh Phúc hơn 2,3 tỷ, Chi nhánh mỏ Mangan Tuyên Quang hơn 5,4 tỷ) đã quá hạn nộp theo quy định về luật quản lý thuế, tiền bảo hiểm xã hội và tiền chậm nộp bảo hiểm như thuyết minh V.17 trang 26 khoảng hơn 3 tỷ đồng đã quá hạn nộp theo quy định. Mặt khác, quyền khai thác quặng Mangan mỏ Làng Bài tại chi nhánh Tuyên Quang đã hết hạn được phép khai thác từ cuối tháng 02 năm 2013. Công ty đã gửi công văn lên Tổng cục Địa chất và Khoáng sản xin được tiếp tục đầu tư khai thác mỏ Làng Bài, làm thủ tục đóng mỏ theo giấy phép khai thác cũ và đang hoàn thiện hồ sơ để xin được cấp phép tiếp tục khai thác mỏ Làng Bài nhưng chưa nhận được ý kiến trả lời của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn luôn tiếp tục mà không bị gián đoạn ít nhất là trong vòng 12 tháng tới. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã cam kết sẽ đảm bảo cho Công ty vẫn hoạt động liên tục ít nhất là trong vòng 12 tháng tới.

10. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

11. Thông tin khác

Theo khoản 2 điều 275 của ND 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán nêu rõ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị ko được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của 01 Công ty đại chúng, nhưng hiện nay mặc dù Nghị định đã áp dụng nhưng Công ty chưa có biện pháp xử lý và thực hiện, điều này dẫn đến vi phạm trong lĩnh vực Chứng khoán. Ngoài ra, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ Công ty cũng chưa thực hiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc có phương án hoạt động tổ chức của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, điều này sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các cổ đông trong Công ty.

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Đặng Xuân Quân

Kế toán trưởng

Trần Thị Liên An

Tổng Giám đốc

Tăng Nguyên Ngọc